



Danh Sách Ghi Điểm

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)

Môn Học

Lâm nghiệp đại cương (205108-03)

CBGD

Trang 1														
STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ.Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú						
1	11221005	TRẦN THỊ	AI	01/01/82		8.0	Tam huy	Nợ HP						
2	11221006	NGUYỄN HOÀNG	ANH	01/11/92		8.0	Tam huy	Nợ HP						
3	11221007	NGUYỄN HOÀNG	ANH	27/02/93		8.0	Tam huy	Nợ HP						
4	11221008	NGUYỄN VĂN	BÀY	28/11/68		8.5	Tam nam clau	Nợ HP						
5	11221009	NGUYỄN VĂN	BẾN	14/04/68		9.0	clau huy	Nợ HP						
6	11221010	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	01/01/89		8.5	Tam nam huy	Nợ HP						
7	11221011	ĐẶNG HÙNG	CƯỜNG	1/65				Nợ HP						
8	11221014	PHẠM XUÂN	DỪNG	26/10/79		9.0	clau clau	Nợ HP						
9	11221015	HUỖNH NGUYỄN TRỌNG	DUY	30/10/81		8.0	Tam huy	Nợ HP						
10	11221013	BÙI TẤN	DƯƠNG	30/02/89		8.0	Tam huy	Nợ HP						
11	11221012	VÕ THỊ THÙY	DƯƠNG	17/04/83		8.5	Tam nam clau	Nợ HP						
12	11221002	HUỖNH VĂN	ĐIỆN	13/09/75		9.0	clau huy	Nợ HP						
13	11221003	ĐẶNG THANH	ĐIỀU	08/02/82		8.0	Tam huy	Nợ HP						
14	11221001	HUỖNH RẠNG	ĐÔNG	22/11/92				Nợ HP						
15	11221004	LÊ HỮU	ĐỨC	28/11/74		8.5	Tam nam huy	Nợ HP						
16	11221016	NGUYỄN TÚ	EM	24/06/87		8.5	Tam nam huy	Nợ HP						
17	11221017	PHAN TRƯỜNG	GIANG	04/07/93		9.0	clau huy	Nợ HP						
18	11221020	MAI HỒNG	HÀNH	26/08/84		8.0	Tam huy	Nợ HP						
19	11221021	NGUYỄN NGỌC	HÀNH	19/05/86		8.0	Tam huy	Nợ HP						
20	11221018	VÕ THỊ THANH	HÀNG	20/02/77		9.0	clau huy	Nợ HP						
21	11221022	LÂM TRỌNG	HIẾU	21/05/91		8.0	Tam huy	Nợ HP						
22	11221023	LÊ PHÚ	HUY	08/07/74		8.5	Tam nam huy	Nợ HP						
23	11221024	PHẠM THỊ THANH	HUYỀN	11/03/84		9.0	clau huy	Nợ HP						
24	11221019	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	28/02/85				Nợ HP						
25	11221025	TRẦN NAM	KHA	08/05/92		8.0	Tam huy	Nợ HP						
26	11221026	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	10/11/82		8.0	Tam huy	Nợ HP						
27	11221028	HUỖNH PHÍ	LONG	19/02/81				Nợ HP						
28	11221029	NGÔ HOÀNG	LONG	09/01/83		8.0	Tam huy	Nợ HP						
29	11221027	HUỖNH THIỀU	LƯƠNG	16/12/92				Nợ HP						
30	11221030	HUỖNH HOÀNG	MINH	28/10/87		8.0	Tam huy	Nợ HP						
31	11221032	NGUYỄN VĂN	NHÂN	01/01/73		8.5	Tam nam huy	Nợ HP						
32	11221033	ĐÀO KIM	NHÂN	26/10/93				Nợ HP						

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)

Môn Học

Lâm nghiệp đại cương (205108-03)

CBGD

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Điểm Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
33	11221031	LÊ TRỌNG	NHÂN	01/10/81		8.5	<i>Tam nam</i>	Nợ HP
34	11221034	TRẦN THANH	NƯỚI	1 / 87				Nợ HP
35	11221040	LÊ HOÀI	PHONG	15/12/81		9.5	<i>Chim nam</i>	Nợ HP
36	11221037	NGUYỄN THANH	PHÚ	20/11/88		8.0	<i>Tam</i>	Nợ HP
37	11221038	HUỲNH DIỄM	PHÚC	20/12/82		8.5	<i>Tam nam</i>	Nợ HP
38	11221039	NGUYỄN THANH	PHÚC	27/12/88				Nợ HP
39	11221035	NGUYỄN HỒNG	PHƯỚC	30/04/82		9.5	<i>Tam nam</i>	Nợ HP
40	11221036	LƯƠNG NGỌC	PHƯỢNG	05/11/78		9.0	<i>Chim nam</i>	Nợ HP
41	11221041	HUỲNH THANH	SANG	18/08/90		8.5	<i>Tam nam</i>	Nợ HP
42	11221042	PHAN VĂN	SANG	17/04/84				Nợ HP
43	11221043	TRƯƠNG THANH	SANG	25/12/80		8.5	<i>Tam nam</i>	Nợ HP
44	11221044	NGUYỄN NHẬT	SINH	20/12/87		8.0	<i>Tam</i>	Nợ HP
45	11221046	LÊ THÀNH	TẤN	1 / 93				Nợ HP
46	11221054	NGUYỄN PHÚ	THÀNH	10/01/84				Nợ HP
47	11221049	VÕ TRƯỜNG	THÀNH	26/02/83		8.0	<i>Tam</i>	Nợ HP
48	11221050	MAI VĂN	THẢO	26/03/79		8.5	<i>Tam nam</i>	Nợ HP
49	11221052	PHẠM THỊ HỒNG	THẨM	05/12/84		8.0	<i>Tam</i>	Nợ HP
50	11221051	NGUYỄN VĂN	THĂNG	1 / 86		8.0	<i>Tam</i>	Nợ HP
51	11221053	HUỲNH MINH	THĂNG	1 / 85		8.5	<i>Tam nam</i>	Nợ HP
52	11221048	VÕ THÀNH	THUẬN	25/10/82		8.0	<i>Tam</i>	Nợ HP
53	11221047	LÊ THỊ ANH	THƯ	15/07/83		9.0	<i>Chim</i>	Nợ HP
54	11221055	HỒ VĂN	THƯỢT	08/08/79		8.0	<i>Tam</i>	Nợ HP
55	11221058	MAI THANH	TOÀN	06/06/86		8.5	<i>Tam nam</i>	Nợ HP
56	11221045	TRẦN BẢO	TỒN	01/10/84		8.0	<i>Tam</i>	Nợ HP
57	11221056	HUỲNH MINH	TÓI	07/09/80		8.0	<i>Tam</i>	Nợ HP
58	11221061	VÕ THANH	TRAI	12/02/82		8.0	<i>Tam</i>	Nợ HP
59	11221059	NGUYỄN HẢI MINH	TRẦN	12/10/83		9.0	<i>Chim</i>	Nợ HP
60	11221064	TRẦN MINH	TRÍ	1 / 82		8.0	<i>Tam</i>	Nợ HP
61	11221063	VÕ MINH	TRÍ	05/07/89		8.5	<i>Tam nam</i>	Nợ HP
62	11221062	PHẠM VĂN	TRỌNG	01/04/92		8.0	<i>Tam</i>	Nợ HP
63	11221060	ÔN THANH	TRƯỜNG	1 / 74		9.5	<i>Tam nam</i>	Nợ HP
64	11221066	ĐỒNG VĂN	TUẤN	1 / 85		8.0	<i>Tam</i>	Nợ HP
65	11221069	HUỲNH ANH	TUẤN	28/08/89		8.0	<i>Tam</i>	Nợ HP
66	11221065	HUỲNH VĂN	TUẤN	16/08/90		8.0	<i>Tam</i>	Nợ HP

Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)

Môn Học

Lâm nghiệp đại cương (205108-03)

CBGD

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Đ. Số	Điểm Chữ	Chữ Ký	Ghi Chú
67	11221068	NGUYỄN THANH TẤN	19/05/84		9.0	Chưa	<i>[Signature]</i>	Nợ HP
68	11221070	NGUYỄN VĂN TẤN	20/04/77		9.0	Chưa	<i>[Signature]</i>	Nợ HP
69	11221067	VÕ ANH	11/08/77		8.5	Tạm năm	<i>[Signature]</i>	Nợ HP
70	11221057	LÊ MINH	17/11/78		8.5	Tạm năm	<i>[Signature]</i>	Nợ HP
71	11221071	MAI THANH TUYÊN	01/08/72		8.5	Tạm năm	<i>[Signature]</i>	Nợ HP
72	11221072	NGUYỄN ANH VŨ	17/10/90		8.0	Tạm	<i>[Signature]</i>	Nợ HP
73	11221073	NGUYỄN TẤN VŨ	30/02/89				<i>[Signature]</i>	Nợ HP

Trang 3

In Ngày 16/07/15

*01 bài
61 tờ.*

Ngày 12 Tháng 7 Năm 2015

Cán Bộ Coi Thi 1 *[Signature]*

Cán Bộ Coi Thi 2 *[Signature]*

Ngày 12 tháng 7 năm 2015

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1 *[Signature]*

Cán Bộ Chấm Thi 2

In Ngày 16/07/15

[Signature]

TP.HCM, Ngày 16 tháng 07 năm 2015